

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST  
Ngày: 27-3-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

*Thẩm phán:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Cẩm  
Ông Nguyễn Hoàng Huy  
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

**Lê Trung T**, sinh ngày 16/8/1998, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh; Căn cước công dân số: 072098002019; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng T1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Kim M, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/7/2025, đến ngày 31/7/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Trung T:** Luật sư Nguyễn Văn T2 – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, vắng mặt và có gửi bài bào chữa.

**- Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt.

**- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:** Ông Lê Hoàng T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 2007. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bà Trần Ngọc S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2025, bị cáo Lê Trung T cho rằng bị hại Nguyễn Văn H có quan hệ tình cảm với bà Lê Thị Tuyết N (là cô của bị cáo T) nên bị cáo Tâm can N1. Thời điểm này, chồng của bà N đang đi chấp hành án.

Khoảng 19 giờ ngày 21/7/2025, bị cáo T điều khiển xe đạp điện đi ngang nhà của bà Trần Ngọc S tại ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (bà S là mẹ của bà N và là bà nội kế của bị cáo T), nhìn thấy xe mô tô của bị hại H để trước nhà của bà S, nên bị cáo T đi vào. Tại nhà bà S, bị cáo T3 nhìn thấy ông H đang ngồi uống bia với bà N, bà Đỗ Thị Kim N2 và bị cáo đi đến vỗ vai ông H. Thấy vậy, bà N nói “chuyện cũ chưa bỏ qua đâu” (ý nghĩa: là nhắc bị cáo T chuyện trước đây bị cáo dọa đánh ông H nhưng được bà N can ngăn nên ông H không đánh bị cáo T), nghe bà N nói, bị cáo T không nói gì, mà bỏ về phòng trọ thuộc tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Tại phòng trọ, bị cáo T bức tức, vì thấy bị hại H đến nhà bà N, nên lấy 01 con dao dài 16,7cm, (đặc điểm: tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn) rồi đi quay trở lại nhà của bà S. Lúc này khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T đi vào nhà, cầm dao bằng tay phải đi đến chỗ bị hại H đang ngồi quay lưng về phía cửa ra vào ở khu vực bếp nhà của bà S. Bị cáo T khom người, dùng tay trái kẹp vào cổ, tay phải cầm dao đâm từ sau ra trước nhiều nhất trúng vào lưng của bị hại H. Bị hại H đứng dậy, xoay người từ phải qua trái nên bị cáo T tiếp tục đâm vào vùng sườn, hông trái trúng nách trước bên trái và mào chậu trái của bị hại H. Bị hại H xoay người, đứng đối diện bị cáo T, bị cáo T tiếp tục cầm dao bằng tay phải đâm vào trước ngực phải của bị hại H, bị hại H dùng tay trái cầm lưỡi dao và lùi người lại góc tường. Sau đó, được mọi người can ngăn, bị cáo T đi đến Công an xã T đầu thú, còn bị hại H được đưa đến Trung tâm Y tế T5 chuyển Bệnh viện Đ cấp cứu và điều trị đến ngày 06/8/2025 thì xuất viện.

\* Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 214 ngày 28/10/2025 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Nguyễn Văn H đã kết luận như sau:

- Các kết quả chính:

- + Sẹo mô kích thước trung bình vùng thành ngực bên phải.
- + Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ vùng đường nách sau bên phải.

- + Sẹo kích thước nhỏ vùng lưng phải.
- + Sẹo kích thước nhỏ vùng lưng trái.
- + Sẹo kích thước trung bình vùng đường nách trước trái.
- + Sẹo kích thước trung bình vùng trên mào chấu trái.
- + Sẹo kích thước nhỏ vùng cánh tay trái.
- + Sẹo kích thước trung bình vùng ngón V bàn tay trái.
- + Mẻ xương đốt bàn ngón V tay trái hiện can xương liền tốt.
- + Hạn chế gấp duỗi đốt 1 đốt 2, đốt 2 đốt 3 ngón V bàn tay trái.
- + Tổn thương màng phổi đã điều trị, hiện di chứng dày dính màng phổi.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

\* Tại Kết luận giám định số 1523 ngày 26/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh T:

- 02 vết màu nâu đỏ là máu người cùng nhóm với nhóm máu của Nguyễn Văn H ghi trên giấy Kết quả xét nghiệm của Bệnh viện Đ ngày 22/7/2025.

- Trên con dao lưỡi bằng kim loại dài 09cm, mũi dao nhọn, có bề sắc bén, rộng 02cm, cán bằng nhựa màu đen dài 08cm có dính máu người cùng nhóm máu với nhóm máu của Nguyễn Văn H ghi trên giấy Kết quả xét nghiệm của bệnh viện Đ ngày 22/7/2025.

- Mẫu máu thu của Lê Trung T thuộc nhóm máu B.

\* Tại Kết luận giám định số 1909 ngày 17/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T: 01 con dao dài 16,7cm, tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1 cm, một cạnh sắc, mũi nhọn không thuộc các danh mục theo Thông tư số 75 ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Dấu vết màu nâu đỏ ở vị trí số 2, số 3 tại hiện trường (đã sử dụng hết cho việc giám định); 01 con dao dài 16,7cm (tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn).

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKSTN-P2 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã truy tố bị cáo Lê Trung T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Trung T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo

trạng truy tố. Bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo phạm tội như trên là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Quá trình điều tra vụ án, bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội, không bị ai ép cung hay buộc phải khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo không có khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong hoạt động điều tra và truy tố vụ án.

Theo Đơn xét xử vắng mặt, người bị hại ông Nguyễn Văn H trình bày và yêu cầu như sau:

+ Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường trước số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

+ Về trách nhiệm hình sự: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của người bị hại là 10.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng T1 trình bày: Ông T1 là cha của bị cáo T, ông T1 có bồi thường cho bị hại Hẹn số tiền 40.000.000 đồng thay cho bị cáo, số tiền này ông T1 tự nguyện không yêu cầu xem xét buộc bị cáo hoàn trả lại.

#### Phản tranh luận:

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng.*

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trung T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 09 năm tù đến 11 năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 16,7cm (tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bài bào chữa của Luật sư có nội dung: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài ra, sư còn phân tích thêm về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội. Bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới khung hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét xử cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại; người liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và người làm chứng: Xét những người này đã có đầy đủ lời khai, quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét, lời khai nhận của bị cáo Lê Trung T tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người bị hại; người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Biên bản thu giữ vật chứng; Biên bản thực nghiệm điều tra; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng:

Bị cáo Lê Trung T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xuất phát từ việc bị cáo Lê Trung T cho rằng có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Văn H. Khoảng 19 giờ 30 ngày 21/7/2025, bị cáo T biết được bị hại H đang uống rượu bia và hát Karaoke tại nhà của bà Trần Ngọc S thuộc ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo T đã chuẩn bị 01 con dao bằng kim loại, là loại hung khí nguy hiểm đi đến nhà của bà S và dùng dao đâm nhiều nhát quyết liệt vào người của bị hại Hẹn tại vùng ngực, lưng, nách, đây là vùng trọng yếu trên cơ thể con người và được mọi người can ngăn. Hậu quả, bị hại H bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 27%. Việc bị hại không chết là do được người khác can ngăn, được cấp cứu

kịp thời, ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, với tình tiết định khung hình phạt “có tính chất côn đồ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và được quy định như sau:

*Điều 123. Tội giết người.*

*1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

...

*n) Có tính chất côn đồ;*

...

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo phạm tội như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt thích đáng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích trừng trị riêng đối với bị cáo, mà còn răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Qua xem xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo tác động người thân trong gia đình bồi thường 40.000.000 đồng/50.000.000 đồng cho người bị hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đi đến cơ quan Công an đầu thú, bị cáo có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu; người bị hại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét tại mục [5.2], xét thấy: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng theo khoản 1 Điều 52, nên có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo sẽ thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại

phiên tòa và mức hình phạt này cũng có đủ sức để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về hành vi khác có liên quan: Đối với 01 con dao dài 16,7cm (tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn) là hung khí dùng vào việc phạm tội. Tại Kết luận giám định số 1909 ngày 17/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận không thuộc các danh mục theo Thông tư số 75 ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là có căn cứ, nên không xét đến.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự, xét: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị hại Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng số tiền là 50.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường trước số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của người bị hại, nên ghi nhận. Bị cáo Lê Trung T có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng do ông Lê Hoàng T1 là cha của bị cáo T bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo: Tại phiên tòa, ông T1 tự nguyện không yêu cầu xem xét buộc bị cáo hoàn trả lại là hoàn toàn tự nguyện, nên không xét đến.

[9] Về vật chứng:

Đối với: 01 con dao dài 16,7cm (tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn) là hung khí bị cáo dùng vào việc phạm tội xét thấy không có giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Từ những căn cứ và nhận định trên: Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; cùng những ý kiến, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận để xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

### 1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trung T phạm tội “Giết người”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

### 2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 và Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trung T 08 (T4) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2025.

2.2. Căn cứ: Khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trung T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/3/2026 để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận bị cáo Lê Trung T có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 16,7cm (tay cầm bằng nhựa màu đen dài 08cm, nơi rộng nhất 2,2cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 8,7cm, nơi rộng nhất 2,1cm, một cạnh sắc, mũi nhọn).

Vật chứng trên được Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo định chuyển vật chứng số: 64/QĐ-VKSTN-P2 ngày 30-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09-02-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

### 4. Về án phí:

Buộc bị cáo Lê Trung T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC tại TPHCM (01);
- VKSNDTC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01);
- Công an tỉnh Tây Ninh (02);
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Tâm**